| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HỚN QUẢN**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 8 năm 2017
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Nhum
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Bùi Văn Hồng
2. Ông Nguyễn Chí Vương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh – Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:*** Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 133/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* N, sinh năm 1977 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 12, ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 7, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 18/4/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Võ Hoàng Nhã trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, anh N và chị Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Đ giấu tiền của vợ chồng để sử dụng mục đích không rõ ràng, khi bị anh N phát hiện thì chị Đ nói dối nên vợ chồng tranh cãi và chị Đào đã về quê tại ấp 7, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre sinh sống từ tháng 02/2017 đến nay. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên anh N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh N và chị Đ có một người con chung tên T, sinh ngày 24/12/2009. Khi ly hôn, anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T cho đến khi trưởng thành mà không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh N và chị Đ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh N và chị Đ không thiếu nợ ai và không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai ngày 16/6/2017, bị đơn Đ trình bày:*

Chị Đ thống nhất với anh N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Đ và anh N là do có nhiều bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 20/02/2017, sau khi ly thân thì anh N và chị Đ vẫn còn liên lạc qua điện thoại nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra nên không thể hàn gắn tình cảm được. Trước yêu cầu của anh N thì chị Đ đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn và chị Đ đồng ý giao con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành vì điều kiện kinh tế của anh N tốt hơn nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng con sẽ tốt hơn. Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế, chị Đ cũng thống nhất ly hôn với anh N cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N với chị Đ là trầm trọng vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N; anh N và chị Đ thống nhất giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu T là cũng mong muốn được ở với anh N nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Anh N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Đ theo đơn lựa chọn Tòa án ngày 05/4/2017 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị Đ đã có đơn yêu cầu hòa giải, xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị Đ thống nhất anh N và chị Đ sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/2007 quyển số 01 ngày 28/6/2007, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, tuy anh N và chị Đ không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn, cụ thể anh N cho rằng chị Đ sử dụng tiền của vợ chồng việc riêng, còn chị Đ cho rằng vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau nhưng anh N và chị Đ thống nhất tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, yêu cầu ly hôn với chị Đ của anh N được chấp nhận.

Về con chung: Anh N và chị Đ thống nhất có một con chung tên T, sinh ngày 24/12/2009. Anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi trưởng thành mà không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con, chị Đ thống nhất giao cháu T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng vì điều kiện kinh tế khó khăn còn anh N có điều kiện nuôi dưỡng cháu T tốt hơn, sự thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp nguyện vọng của cháu T nên yêu cầu của anh N được chấp nhận.

Về tài sản chung: Anh N và chị Đ thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh N và chị Đ thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Anh N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 45, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* của anh N, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh N sinh năm 1977; trú tại tổ 12, ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước được ly hôn với chị Đ, sinh năm 1982; trú tại ấp 7, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2007 quyển số 01 ngày 28/6/2007 của Ủy ban nhân dân xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu T, sinh ngày 24/12/2009 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đ có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, anh N và chị Đ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012075 ngày 25/4/2017.

4. Về quyền kháng cáo: Anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- UBND xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Văn Nhum**